

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



**SỔ TAY SINH VIÊN**  
**KHOA NGOẠI NGỮ**

**NĂM 2016**

Địa chỉ: 20 Tăng Nhơn Phú – Phường Phước Long B – Quận 9 – Thành phố Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 08.37312370-08.37313631, Fax: 08. 38978501, Website: <http://www.hitu.edu.vn>

***Tp.HCM, tháng 8 năm 2016***  
***(Lưu hành nội bộ)***

**PHẦN V**

**KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO NGÀNH TIẾNG ANH**

(Áp dụng từ năm 2016)

| TT                                                             | Mã học phần | Tên học phần                                     | Số tín chỉ | Tỉ lệ giờ tín chỉ |           |
|----------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------|------------|-------------------|-----------|
|                                                                |             |                                                  |            | Lý thuyết         | Thực hành |
| Học kỳ 1: 18 Tín chỉ                                           |             |                                                  |            |                   |           |
| Học phần bắt buộc                                              |             |                                                  | 18         |                   |           |
| 1                                                              | 224301      | Nói 1                                            | 3          |                   |           |
| 2                                                              | 224302      | Nghe 1                                           | 3          |                   |           |
| 3                                                              | 224303      | Viết 1                                           | 3          |                   |           |
| 4                                                              | 224304      | Đọc 1                                            | 3          |                   |           |
| 5                                                              | 224305      | Ngữ pháp                                         | 3          |                   |           |
| 6                                                              | 224310      | Phát âm                                          | 3          |                   |           |
| 7                                                              | 234002      | Bóng chuyền 1                                    | 2          |                   |           |
| 8                                                              | 234001      | Giáo dục quốc phòng                              | 8          |                   |           |
| Học kỳ 2: 19 Tín chỉ                                           |             |                                                  |            |                   |           |
| Học phần bắt buộc                                              |             |                                                  | 17         |                   |           |
| 9                                                              | 224317      | Nói 2                                            | 3          |                   |           |
| 10                                                             | 224316      | Nghe 2                                           | 3          |                   |           |
| 11                                                             | 224318      | Đọc 2                                            | 3          |                   |           |
| 12                                                             | 224319      | Viết 2                                           | 3          |                   |           |
| 13                                                             | 226012      | Kinh tế vi mô                                    | 3          |                   |           |
| 14                                                             | 226016      | Marketing căn bản                                | 2          |                   |           |
| Học phần tự chọn                                               |             |                                                  | 2          |                   |           |
| Nhóm 1<br>(Sinh viên được chọn tối thiểu 2TC/các học phần sau) |             |                                                  | 2          |                   |           |
| 15.1                                                           | 222030      | Dẫn luận ngôn ngữ                                | 2          |                   |           |
| 15.2                                                           | 222002      | Cơ sở văn hóa Việt Nam                           | 2          |                   |           |
| Nhóm 2<br>(Sinh viên được chọn tối thiểu 2TC/các học phần sau) |             |                                                  | 2          |                   |           |
| 16.1                                                           | 234003      | Bóng chuyền 2                                    | 2          |                   |           |
| 16.2                                                           | 234006      | Bóng đá                                          | 2          |                   |           |
| 16.3                                                           | 234007      | Bóng rổ                                          | 2          |                   |           |
| 16.4                                                           | 234008      | Cầu lông                                         | 2          |                   |           |
| 16.5                                                           | 234009      | Aerobic                                          | 2          |                   |           |
| Học kỳ 3: 19 Tín chỉ                                           |             |                                                  |            |                   |           |
| Học phần bắt buộc                                              |             |                                                  | 17         |                   |           |
| 17                                                             | 223003      | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin | 5          |                   |           |
| 18                                                             | 224306      | Nói 3                                            | 3          |                   |           |
| 19                                                             | 224307      | Nghe 3                                           | 3          |                   |           |
| 20                                                             | 224308      | Đọc 3                                            | 3          |                   |           |
| 21                                                             | 224309      | Viết 3                                           | 3          |                   |           |
| Học phần tự chọn                                               |             |                                                  | 2          |                   |           |

|                                                      |        |                                          |           |  |  |
|------------------------------------------------------|--------|------------------------------------------|-----------|--|--|
| (Sinh viên được chọn tối thiểu 2TC/các học phần sau) |        |                                          |           |  |  |
| 22.1                                                 | 226011 | Kinh tế quốc tế                          | 2         |  |  |
| 22.2                                                 | 225050 | Thị trường chứng khoán                   | 2         |  |  |
| <b>Học kỳ 4: 16 Tín chỉ</b>                          |        |                                          |           |  |  |
| <b>Học phần bắt buộc</b>                             |        |                                          | <b>12</b> |  |  |
| 23                                                   | 224311 | Biên dịch                                | 3         |  |  |
| 24                                                   | 223004 | Tư tưởng Hồ Chí Minh                     | 2         |  |  |
| 25                                                   | 226099 | Giao dịch thương mại quốc tế             | 2         |  |  |
| 26                                                   | 224313 | Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh      | 3         |  |  |
| 27                                                   | 226026 | Quản trị học                             | 2         |  |  |
| <b>Học phần tự chọn</b>                              |        |                                          | <b>4</b>  |  |  |
| Nhóm 1                                               |        |                                          | 2         |  |  |
| (Sinh viên chọn tối thiểu 2TC/các học phần sau)      |        |                                          |           |  |  |
| 28.1                                                 | 226105 | Quan hệ công chúng                       | 2         |  |  |
| 28.2                                                 | 226014 | Kỹ năng giao tiếp và làm việc đội/nhóm   | 2         |  |  |
| 28.3                                                 | 226041 | Tâm lý kinh doanh                        | 2         |  |  |
| 28.4                                                 | 224322 | Giao tiếp liên văn hóa                   | 2         |  |  |
| Nhóm 2                                               |        |                                          | 2         |  |  |
| (Sinh viên được chọn tối thiểu 2TC/các học phần sau) |        |                                          |           |  |  |
| 29.1                                                 | 225014 | Nguyên lý kế toán                        | 2         |  |  |
| 29.2                                                 | 226035 | Soạn thảo văn bản                        | 2         |  |  |
| <b>Học kỳ 5: 18 Tín chỉ</b>                          |        |                                          |           |  |  |
| <b>Học phần bắt buộc</b>                             |        |                                          | <b>14</b> |  |  |
| 30                                                   | 223001 | Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam  | 3         |  |  |
| 31                                                   | 224312 | Phiên dịch                               | 3         |  |  |
| 32                                                   | 224326 | Văn hóa Mỹ                               | 3         |  |  |
| 33                                                   | 226070 | Thanh toán quốc tế (QT)                  | 3         |  |  |
| 34                                                   | 229030 | Tin học văn phòng                        | 2         |  |  |
| <b>Học phần tự chọn</b>                              |        |                                          | <b>4</b>  |  |  |
| Nhóm 1 (SV được chọn tối thiểu 2TC/các học phần sau) |        |                                          | 2         |  |  |
| 35.1                                                 | 224320 | Tiếng Anh thư tín thương mại             | 2         |  |  |
| 35.2                                                 | 224321 | Tiếng Anh tài chính ngân hàng            | 2         |  |  |
| 35.3                                                 | 224325 | Tiếng Anh chuyên ngành Logistics         | 2         |  |  |
| Nhóm 2 (SV được chọn tối thiểu 2TC/các học phần sau) |        |                                          | 2         |  |  |
| 36.1                                                 | 226034 | Quản trị thương hiệu                     | 2         |  |  |
| 36.2                                                 | 226103 | Thủ tục hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu | 2         |  |  |
| 36.3                                                 | 226047 | Quản trị bán hàng                        | 2         |  |  |
| <b>Học kỳ 6: 9 Tín chỉ</b>                           |        |                                          |           |  |  |
| <b>Học phần bắt buộc</b>                             |        |                                          | <b>4</b>  |  |  |
| 37                                                   | 224323 | Thực tập tốt nghiệp                      | 4         |  |  |
| <b>Học phần tự chọn</b>                              |        |                                          | <b>5</b>  |  |  |
| (Sinh viên được chọn tối thiểu 5TC/các học phần sau) |        |                                          |           |  |  |
| 38.1                                                 | 224324 | Khóa luận tốt nghiệp                     | 5         |  |  |
|                                                      |        | Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp   | 5         |  |  |
| 38.2                                                 | 224314 | Biên dịch thương mại                     | 3         |  |  |
| 38.3                                                 | 224315 | Phiên dịch thương mại                    | 2         |  |  |

**TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI (99 TC)**  
(Dùng cho khối Cao Đẳng 2016)

| HK1 (18 TC)                                                                                                                                                                                                                                                                        | HK2 (19 TC)                                                                                                                                                                                                     | HK3 (19 TC)                                                                                                                                                                                       | HK4 (16 TC)                                                                                                                                                                                                                               | HK5 (18 TC)                                                                                                                                                                                                                     | HK6 (09 TC)                                  |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|
| <p>224301 (3 TC)<br/>Nói 1</p> <p>224302 (3 TC)<br/>Nghe 1</p> <p>224303 (3 TC)<br/>Viết 1</p> <p>224304 (3 TC)<br/>Đọc 1</p> <p>224305 (3 TC)<br/>Ngữ pháp</p> <p>224310 (3 TC)<br/>Phát âm</p> <p>234002 (2 TC)<br/>Bóng chuyền</p> <p>234001 (8 TC)<br/>Giáo dục quốc phòng</p> | <p>224317 (3 TC)<br/>Nói 2</p> <p>224316 (3 TC)<br/>Nghe 2</p> <p>224319 (3 TC)<br/>Viết 2</p> <p>224318 (3 TC)<br/>Đọc 2</p> <p>226012 (3 TC)<br/>Kinh tế vi mô</p> <p>226016 (2 TC)<br/>Marketing căn bản</p> | <p>224306 (3 TC)<br/>Nói 3</p> <p>224307 (3 TC)<br/>Nghe 3</p> <p>224309 (3 TC)<br/>Viết 3</p> <p>224308 (3 TC)<br/>Đọc 3</p> <p>223003 (5 TC)<br/>Những nguyên lý CB của chủ nghĩa Mác-Lênin</p> | <p>224311 (3 TC)<br/>Biên dịch</p> <p>224313 (3 TC)<br/>Mỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh</p> <p>226026 (2 TC)<br/>Quản trị học</p> <p>226099 (2 TC)<br/>Giao dịch thương mại quốc tế</p> <p>223004 (2 TC)<br/>Tư tưởng Hồ Chí Minh</p> | <p>224312 (3 TC)<br/>Phiên dịch</p> <p>224326 (3 TC)<br/>Văn hóa Mỹ</p> <p>229030 (2 TC)<br/>Tin học văn phòng</p> <p>226070 (3 TC)<br/>Thanh toán quốc tế</p> <p>223001 (3 TC)<br/>Đường lối CM của Đảng Cộng Sản Việt Nam</p> | <p>224323 (4 TC)<br/>Thực tập tốt nghiệp</p> |
| Học kỳ 1 không có học phần tự chọn                                                                                                                                                                                                                                                 | Các HP tự chọn 2 TC<br>Xem phần A                                                                                                                                                                               | Các HP tự chọn 2 TC<br>Xem phần B                                                                                                                                                                 | Các HP tự chọn 4 TC<br>Xem phần C                                                                                                                                                                                                         | Các HP tự chọn 4 TC<br>Xem phần D, E                                                                                                                                                                                            | Các HP tự chọn 5 TC<br>Xem phần F            |

**CÁC MÔN HỌC TỰ CHỌN**

| PHẦN A                                                                                                                                                                                                                          | PHẦN B                                                                                   | PHẦN C                                                                                                                                                                                                                                                                  | PHẦN D                                                                                                                                                                 | PHẦN E                                                                                                                                                     | PHẦN F                                                                                                                                     |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>222002 (2 TC)<br/>Cơ sở văn hóa Việt nam</p> <p>222030 (2 TC)<br/>Đẫn luận ngôn ngữ</p> <p>234010 (2 TC)<br/>Bơi lội</p> <p>234007 (2 TC)<br/>Bóng rổ</p> <p>234008 (2 TC)<br/>Cầu lông</p> <p>234009 (2 TC)<br/>Aerobic</p> | <p>226011 (2 TC)<br/>Kinh tế quốc tế</p> <p>225050 (2 TC)<br/>Thị trường chứng khoán</p> | <p>226105 (2 TC)<br/>Quan hệ công chúng</p> <p>226014 (2 TC)<br/>Kỹ năng giao tiếp</p> <p>226069 (2 TC)<br/>Tâm lý kinh doanh</p> <p>224322 (2 TC)<br/>Giao tiếp liên văn hóa</p> <p>225014 (2 TC)<br/>Nguyên lý kế toán</p> <p>226035 (2 TC)<br/>Soạn thảo văn bản</p> | <p>224320 (2 TC)<br/>Tiếng Anh thư tín thương mại</p> <p>224321 (2 TC)<br/>Tiếng Anh tài chính ngân hàng</p> <p>224325 (2 TC)<br/>Tiếng Anh chuyên ngành Logistics</p> | <p>226034 (2 TC)<br/>Quản trị thương hiệu</p> <p>226047 (2 TC)<br/>Quản trị bán hàng</p> <p>226103 (2 TC)<br/>Thủ tục hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu</p> | <p>224324 (5 TC)<br/>Khóa luận tốt nghiệp</p> <p>224314 (3 TC)<br/>Biên dịch thương mại</p> <p>224315 (2 TC)<br/>Phiên dịch thương mại</p> |